

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KIỀU ANH VŨ

**DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Mã số: 9310102

HÀ NỘI – 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Minh Quang



Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá cấp Học viện,
họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng năm 2025

**Có thể tìm đọc luận án tại Thư viện Quốc gia Việt Nam
và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp đô thị đang ngày càng được nhiều thành phố lớn ở Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện cho phát triển. Với điều kiện hạn chế về diện tích, nên nông nghiệp ở thành phố thường gắn với kỹ thuật, công nghệ hiện đại, cho năng suất cao, phương pháp canh tác hữu cơ, do đó mang lại nhiều lợi ích cho các đô thị hiện đại ngày nay. Cùng với sự phát triển của nông nghiệp ở thành phố là sự xuất hiện của các lĩnh vực dịch vụ cho phát triển nông nghiệp (PTNN). Nếu được tạo điều kiện thuận lợi từ phía chính quyền, được cung cấp đầy đủ các dịch vụ từ khâu khởi nghiệp, sản xuất đến khâu chế biến, bảo quản, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và bán hàng, thì nông nghiệp đô thị sẽ phát triển rất mạnh, có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của đô thị, đặc biệt là các thành phố lớn, có dân số đông. Như vậy, đối với ngành dịch vụ nông nghiệp, không chỉ cần tổ chức thật tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh của chính ngành đó, mà quan trọng hơn, cần có sự gắn kết để góp phần nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững nền nông nghiệp ở thành phố theo hướng hiện đại. Đây là vấn đề cần thiết được nghiên cứu về mặt lý luận, để có những phương thức, những mô hình thúc đẩy dịch vụ phục vụ cho PTNN ở thành phố mà thực tiễn đang đặt ra đối với nhiều quốc gia trên thế giới.

Để phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, Thành phố cũng xác định cần bổ sung nhiều chính sách, xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp đồng bộ, đồng thời xây dựng các chuỗi liên kết và chuỗi cung ứng trong nông nghiệp. Với chủ trương đúng, ngành nông nghiệp Thành phố đang từng bước phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, có năng suất lao động, giá trị sản xuất bình quân trên 01ha khá cao. Đã hình thành Khu Nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Củ Chi, Trung tâm Công nghệ sinh học tại Quận 12 và Trại Trình diễn và thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao tại huyện Bình Chánh, hoạt động bước đầu có hiệu quả. Mặc dù đã đạt được những thành tựu bước đầu, song PTNN tại TPHCM vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là các dịch vụ cho PTNN chưa thực sự phát triển mạnh, chưa hỗ trợ tốt nhất cho các chủ thể sản xuất, kinh doanh. Dịch vụ về giống vật nuôi, cây trồng chất lượng cao phát triển chưa như mong đợi, chưa thay thế được các loại giống nhập ngoại. Dịch vụ tư vấn, thiết kế, lắp đặt về kỹ thuật, công nghệ cho sản xuất nông nghiệp đô thị chưa nhiều, giá thành còn cao. Việc hỗ trợ kết nối hình thành chuỗi liên kết sản xuất – phân phối còn gặp

nhieu khó khăn, nhiều sản phẩm khó tìm được chỗ đứng trong hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại. Nhiều đơn vị sản xuất cũng rất khó khăn trong việc xây dựng và quảng bá thương hiệu, sản phẩm an toàn. Các hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp làm dịch vụ cho PTNN đô thị còn hạn chế. Chưa gắn kết mạnh mẽ các hoạt động du lịch với thúc đẩy sản xuất và quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Do vậy, việc xây dựng hệ thống dịch vụ đồng bộ, thông suốt và có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu PTNN ở TPHCM, theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, vừa góp phần cung cấp nông phẩm cho Thành phố, vừa góp phần tạo không gian xanh, cải thiện môi trường sống cho cư dân đô thị, là vấn đề cấp thiết cần được nghiên cứu. Với ý nghĩa đó, “Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh” được lựa chọn làm đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là tìm ra một số giải pháp khả thi, nhằm thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Qua đó góp phần phát triển nông nghiệp TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ cho PTNN ở một thành phố.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu.

Thứ ba, đề xuất các quan điểm và giải pháp cụ thể góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy hình thành đồng bộ các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung nghiên cứu:

Luận án tập trung vào phân tích, đánh giá một số loại dịch vụ đang có tác động trực tiếp tới định hướng phát triển nông nghiệp của TPHCM như: khuyến nông; cung ứng giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao; khoa học – công nghệ; uơm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; chế biến, bảo

quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp. Đề thuận lợi trong việc mô tả các loại hình dịch vụ cho PTNN ở thành phố khi phân tích, đánh giá, luận án phân chia các dịch vụ kể trên vào hai nhóm, đó là dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra. Những dịch vụ phục vụ cho các hoạt động sản xuất (trước và trong quá trình sản xuất) được xếp vào nhóm dịch vụ đầu vào, như: khuyến nông; giống vật nuôi, cây trồng; khoa học – công nghệ; ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp. Những dịch vụ phục vụ cho các hoạt động lưu thông (gồm cả hoạt động tiếp tục sản xuất trong quá trình lưu thông) được xếp vào nhóm dịch vụ đầu ra, như: chế biến, bảo quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp.

- *Phạm vi về không gian*: luận án nghiên cứu các dịch vụ cho PTNN trên địa bàn TPHCM.

- *Phạm vi về thời gian*: số liệu nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ các tài liệu chính thống trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023. Các giải pháp được đề xuất thực hiện đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về các khâu của quá trình tái sản xuất; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với việc hình thành đồng bộ các dịch vụ nhằm khuyến khích PTNN hiện đại.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án dựa trên kinh nghiệm xây dựng và thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN của hai thành phố trên thế giới là Thượng Hải – Trung Quốc, Băng-cốc – Thái Lan, và của hai thành phố lớn trong nước là Hà Nội và Cần Thơ, đặc biệt là thực trạng dịch vụ cho PTNN tại TPHCM.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học Kinh tế chính trị, như trừu tượng hoá khoa học, lôgic kết hợp với lịch sử; ngoài ra luận án cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học xã hội và nhân văn như: phân tích, tổng hợp, thống kê, điều tra xã hội học, tổng kết thực tiễn. Đồng thời, luận án trình bày kết quả

khảo sát thực tiễn thông qua một số biểu đồ, bảng số liệu để minh họa nhằm giải quyết sáng tỏ các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng linh hoạt phù hợp với nhiệm vụ cụ thể ở các chương của luận án như sau:

- Chương 1: luận án sử dụng các phương pháp cơ bản như phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp logic kết hợp với lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh, qua đó nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả trong nước và thế giới, đã tổng kết lý luận cũng như thực tiễn về dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

- Chương 2: trong chương này, tác giả sử dụng các phương pháp như: lôgic kết hợp với lịch sử, phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và kết hợp với kết quả nghiên cứu tổng quan từ Chương 1 để xây dựng khung lý thuyết về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Đồng thời, sử dụng phương pháp trình bày theo quy nạp rồi diễn dịch để làm rõ nội dung nghiên cứu.

- Chương 3: luận án sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh và kết hợp với điều tra bằng bảng hỏi để nghiên cứu, đánh giá thực trạng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Đối tượng điều tra gồm hộ nông dân, trang trại, HTX, doanh nghiệp thụ hưởng dịch vụ cho PTNN [phương pháp chọn mẫu và xử lý số liệu xem phụ lục]. Qua đó, đánh giá những kết quả, hạn chế của các dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN tại TPHCM; làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, làm cơ sở cho việc thúc đẩy các dịch vụ cho PTNN Thành phố.

- Chương 4: tác giả tiếp tục sử dụng các phương pháp như phân tích, tổng hợp và dự báo về xu hướng của nông nghiệp đô thị cũng như xu hướng của dịch vụ cho PTNN ở một đô thị hiện đại, trong điều kiện khoa học – công nghệ phát triển vô cùng mạnh mẽ. Từ đó, đề xuất quan điểm và những giải pháp cụ thể thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, góp phần hình thành nền nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững.

5. Những đóng góp mới của đề tài

- Thứ nhất, trên cơ sở hệ thống hóa những cách tiếp cận khác nhau, dưới góc độ kinh tế chính trị, luận án đã xây dựng khung lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố trong bối cảnh mới, với những nội dung cơ bản như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng

- Thứ hai, tổng kết, so sánh, phân tích, đánh giá thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM giai đoạn 2018 - 2023, qua đó làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn và chỉ rõ nguyên nhân.

- Thứ ba, xuất phát từ thực trạng và bối cảnh tác động, luận án đề xuất những quan điểm, giải pháp để thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM theo hướng nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương, 11 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ngoài nước về phát triển nông nghiệp ở thành phố

Leonie J. Pearson, Linda Pearson and Craig J. Pearson (2010): “*Sustainable urban agriculture: stocktake and opportunities*”; Orsini, F. and partners (2013), “*Urban agriculture in the developing world: a review*”; Fred T. Davies and Banning Garrett (2018), “*Technology for Sustainable Urban Food Ecosystems in the Developing World: Strengthening the Nexus of Food–Water–Energy–Nutrition*”; O’Sullivan, C. A and partners (2019), “*Strategies to improve the productivity, product diversity and profitability of urban agriculture*”; Sriram Natrajan (2021): “*Urban Agriculture, Food Security and Sustainable Urban Food Systems in China*”; Fa Likitswat (2021), “*Urban Farming: Opportunities and Challenges of Developing Greenhouse Business in Băng-cốc Metropolitan Region*”; Yiming Shao and partners (2022), “*The potential of urban family vertical farming: A pilot study of Shanghai*”;

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về phát triển nông nghiệp ở thành phố

Vũ Minh Nhật (2011), “*Havana – cảm hứng về một nền nông nghiệp đô thị đích thực*”; Phương Lan (2016) “*Nông nghiệp trong đô thị*”; Hoàng Thị Ngọc Ánh (2016), “*Bàn về hiệu quả kinh tế phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững*”; Phan Tuấn Anh (2018) về “*Vai trò và một số mô hình phát*

triển nông nghiệp đô thị trên thế giới”; Bùi Thanh Tuấn (2018) về “Phát triển nông nghiệp ở các huyện ngoại thành Hà Nội”; Đoàn Thị Thu Hương (2020), “Một số chính sách và giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Thành phố Hà Nội”; Hoàng Triều Hoa (2022), “Phát triển nông nghiệp đô thị ở một số quốc gia trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam”.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

1.2.1. Các công trình nghiên cứu ngoài nước về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

1.2.1.1. Dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Ghany and Salam (2012): “*Measuring service quality of agricultural extension centers in Assiut governorate using SERVPERF Scale*”; Bommarco Riccardo (2018), *Exploiting ecosystem services in agriculture for increased food security*; Mamun Gao and Alam (2018): “*Service quality of public and private agricultural extension service providers in Bangladesh*”; Sossou, C. H. and partners (2021), “*Agricultural services on the demand and supply for improving agricultural productivity in Benin*”.

1.2.1.2. Dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Scott M. Swinton, Stephen K. Hamilton, Frank Lupi, G. Philip Robertson (2007), “*Ecosystem services and agriculture: Cultivating agricultural ecosystems for diverse benefits*”; Brenda B. Lin, Stacy M. Philpott and Shalene Jha (2015), “*The future of urban agriculture and biodiversity-ecosystem services: Challenges and next steps*”; Kazuaki Tsuchiya, Yuri Hara and Danai Thaitakoo (2015), “*Linking food and land systems for sustainable peri-urban agriculture in Bangkok Metropolitan Region*”; Kata Gocs (2016), “*Report about Innovative Distribution Network of Organic Products in Latvia: Agricultural Service Cooperative Society “Zaļais grozs”*”; Dang Ding, Pingyang Liu and Neil Ravenscroft (2018), “*The new urban agricultural geography of Shanghai*”; Kanang Kantamaturapoj and Alan Marshall (2020), “*Providing organic food to urban consumers: case studies of supermarkets in Bangkok and metropolitan area*”.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

1.2.2.1. Các nghiên cứu trong nước về dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Nghiên cứu của Mai Văn Nam và Hoàng Phương Đài (2012) về “*Giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ*”; Nguyễn Văn Lâm (2015) về “*Phát triển dịch vụ nông nghiệp ở ngoại thành Hà Nội*”; Hoàng Vũ Quang và Vũ Trọng Bình (2017), “*Chỉ số chất lượng dịch vụ công nông nghiệp nông thôn dựa trên phản hồi của người sử dụng dịch vụ*”; Lê Thanh Tùng (2018) với nghiên cứu “*Phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp*”; Vũ Thị Bắc (2019), “*Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*”; Tô Thị Thùy Trang, Trần Văn Đức và Nguyễn Thành Công (2019), “*Giải pháp phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh*”; Tăng Thị Hằng và Vũ Tam Hòa (2020), “*Hiệu quả từ chính sách hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng chuyên canh của tỉnh Hải Dương*”; Nguyễn Thị Thanh (2020), “*Chất lượng dịch vụ công phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng*”. Đào Anh Xuân (2021), “*Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên*”; Trần Thị Thanh Xuân (2021) về “*Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh*”; Đỗ Thị Thu Hà và Lê Thị Tuyết Nhung (2023), “*Nghiên cứu, hoàn thiện nguồn thông tin và phương pháp tính giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ nông nghiệp*”.

1.2.2.2. Các nghiên cứu trong nước về dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Nguyễn Duy Mậu (2016), “*Tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Tây Nguyên – Việt Nam*”; Châu Phương Uyên (2018) về “*Phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long*”; Nguyễn Thị Hà (2019), “*Phát triển du lịch nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay*”. Tạ Văn Tường và Đỗ Kim Chung (2019) “*Giải pháp cung cấp dịch vụ công cho phát triển chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn tại Hà Nội*”; Đào Anh Xuân (2021), “*Sản xuất theo chuỗi giá trị: hướng phát triển mới cho hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên*”; Trần Thị Thanh Xuân (2021) về “*Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp xanh ở tỉnh Bắc Ninh*”.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình

1.3.1.1. Về nông nghiệp ở thành phố

Mặc dù có nhiều quan niệm nhưng cơ bản các nhà nghiên cứu thống nhất ở chỗ: nông nghiệp đô thị là muốn nói tới nền nông nghiệp diễn ra trong không gian đô thị (nội đô, vùng ven và ngoại ô) với những điều kiện khác biệt so với vùng nông thôn. Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra sự cần thiết phải PTNN ở thành phố trong xu hướng đô thị hóa ngày càng diễn ra nhanh và rộng khắp trên toàn cầu. Nhiều công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế đã phân tích làm rõ những cơ hội của nông nghiệp ở thành phố, bên cạnh đó là những thách thức mà nông nghiệp ở thành phố phải đối mặt. Để tạo điều kiện cho nông nghiệp ở thành phố phát triển, nhiều nghiên cứu đề xuất sự hỗ trợ từ phía chính quyền về mặt bằng, về tiếp cận tín dụng, về chính sách miễn giảm thuế và các hỗ trợ về giống, chuyển giao công nghệ, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường,...

1.3.1.2. Về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Nhiều nghiên cứu cả ngoài nước và trong nước đã xác định vai trò quan trọng của dịch vụ cho PTNN, đặc biệt ở khu vực đô thị. Một số nghiên cứu cũng đề xuất tới hoạt động du lịch nông nghiệp, đây cũng là dịch vụ thúc đẩy PTNN đô thị. Nhiều nghiên cứu đã trình bày, phân tích thực trạng và giải pháp đẩy mạnh cung ứng dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Nhìn chung, các nghiên cứu đều khẳng định sự cần thiết và vai trò quan trọng của dịch vụ cho PTNN, và những hạn chế của việc cung ứng dịch vụ cả về số lượng và chất lượng đang làm cho nông nghiệp đô thị ở nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với điều kiện phát triển. Do cách tiếp cận, nội dung và phạm vi nghiên cứu, đặc biệt do sự phát triển nhanh của cách mạng khoa học – công nghệ với nhiều thành tựu nổi bật và vượt trội được ứng dụng trong PTNN, một số vấn đề và giải pháp của các công trình nghiên cứu đã đề xuất không phải phù hợp với mọi địa phương, và đang tỏ ra lạc hậu so với thực tiễn. Vì vậy, để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện dịch vụ cho PTNN trong điều kiện mới, gắn với một thành phố cụ thể ở Việt Nam đang có tốc độ đô thị hóa rất nhanh, cần tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc.

1.3.2. Khoảng trống trong các công trình đã công bố về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố và hướng nghiên cứu tiếp tục của luận án

1.3.2.1. Những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu

Về lý luận, các công trình trong nước và quốc tế mới tiếp cận ở các góc độ khác nhau như: nông nghiệp đô thị, dịch vụ hệ sinh thái, dịch vụ công –

dịch vụ hay đi vào phân tích một loại hình dịch vụ cụ thể nào đó mà chưa có công trình nghiên cứu nào trình bày khái quát, đầy đủ khung lý thuyết về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Đó là khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Về thực tiễn, nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp ở TPHCM, song chủ yếu tập trung vào phân tích, đánh giá thực trạng và định hướng giải pháp PTNN đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, hay tập trung vào một lĩnh vực nông nghiệp nào đó mà chưa có công trình nào nghiên cứu về thực trạng các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho PTNN ở Thành phố, đặc biệt trong điều kiện cách mạng khoa học – công nghệ phát triển mạnh mẽ hiện nay.

Từ những khoảng trống trên, nghiên cứu sinh đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu cụ thể sau:

Câu hỏi 1: Dịch vụ cho PTNN ở thành phố là gì? Sử dụng khung lý thuyết nào để phân tích, đánh giá dịch vụ cho PTNN ở thành phố?

Câu hỏi 2: Dịch vụ cho PTNN ở TPHCM thời gian qua đã đạt được những kết quả, và còn những hạn chế gì? Đây là nguyên nhân của những kết quả, hạn chế đó?

Câu hỏi 3: Trong bối cảnh hiện nay, xây dựng quan điểm thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM như thế nào cho phù hợp? Việc khắc phục những hạn chế, thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030 cần tập trung thực hiện những giải pháp nào?

1.3.2.3. Hướng nghiên cứu của đề tài luận án

Căn cứ vào những khoảng trống nêu trên cùng với cơ sở thực tiễn đề tài luận án và các câu hỏi nghiên cứu của nghiên cứu sinh đặt ra, luận án tập trung hướng nghiên cứu các nội dung sau:

Thứ nhất, tiến hành hệ thống hoá, bổ sung để xây dựng cơ sở lý luận về dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Cụ thể, trong phạm vi luận án đề tài sẽ làm rõ nội hàm của khái niệm dịch vụ cho PTNN ở thành phố; phân tích để làm sáng tỏ về đặc điểm, vai trò của dịch vụ cho PTNN ở thành phố. Phân tích để khái quát rõ về nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Thứ hai, phân tích, khảo sát, đánh giá thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, tập trung vào các dịch vụ đầu vào như: khuyến nông; cung ứng giống cây, giống con; tư vấn, chuyển giao khoa học-công nghệ; ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp, và các dịch vụ đầu ra bao gồm: chế biến, bảo

quản sau thu hoạch; quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm; xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; và du lịch nông nghiệp. Từ thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án chỉ rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân để làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp thúc đẩy các loại hình dịch vụ này phát triển.

Thứ ba, từ bối cảnh trong nước và thế giới có ảnh hưởng đến nông nghiệp các loại hình dịch vụ cho PTNN ở thành phố, đồng thời trên cơ sở phân tích, đánh giá về thực trạng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án xây dựng quan điểm và đề xuất, phân tích các giải pháp thúc đẩy các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM đến năm 2030.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

2.1.1. Khái niệm và phân loại dịch vụ cho phát triển nông nghiệp

2.1.1.1. Dịch vụ

Dưới góc độ Kinh tế chính trị, dịch vụ được xem là một loại hàng hóa vô hình, cũng có hai thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị của hàng hóa dịch vụ chính là lao động xã hội để tạo ra dịch vụ. Giá trị sử dụng của hàng hóa dịch vụ là sự thỏa mãn nhu cầu của người sử dụng dịch vụ.

2.1.1.2. Dịch vụ nông nghiệp

Dịch vụ nông nghiệp là toàn bộ các hoạt động phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp, bao gồm cả các dịch vụ đầu vào (cung ứng vốn, giống, thiết bị, vật tư nông nghiệp, quy trình, công nghệ, khuyến nông, ...) và các dịch vụ đầu ra (chế biến, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường,...).

2.1.1.3. Khái niệm dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở các thành phố

Dịch vụ cho PTNN ở thành phố là tổng thể các hoạt động phục vụ cho sản xuất và lưu thông trong nông nghiệp, đa dạng các chủ thể cung cấp và sử dụng, nhằm tăng năng suất, chất lượng, kết quả sản xuất – kinh doanh, hướng tới phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững ở khu vực thành phố.

Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở các thành phố đề cập tới các hoạt động phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố, được

biểu hiện qua các hình thức cung ứng và sử dụng các loại hình dịch vụ nông nghiệp, phản ánh mối quan hệ giữa các tổ chức, cá nhân trong quá trình cung ứng và sử dụng các loại hình dịch vụ nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của dân cư thành thị.

2.1.1.4. Phân loại dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở các thành phố

Dịch vụ cho PTNN ở các thành phố hướng tới hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao. Có nhiều chủ thể cung ứng, đa dạng các loại hình dịch vụ và đáp ứng các khâu, quá trình tái sản xuất, bao gồm sản xuất – phân phối - trao đổi - tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Từ đó có thể phân loại dịch vụ cho PTNN ở thành phố theo nhiều tiêu thức khác nhau: *Theo chủ thể cung ứng bao gồm:* dịch vụ công, dịch vụ tư và dịch vụ xã hội. *Theo công dụng mà dịch vụ cho PTNN đáp ứng:* dịch vụ trồng trọt; dịch vụ chăn nuôi; dịch vụ sau thu hoạch; dịch vụ xử lý hạt giống; dịch vụ lâm nghiệp; dịch vụ khai thác và nuôi trồng thủy sản. *Theo quy trình sản xuất:* có thể chia thành hai nhóm dịch vụ nông nghiệp, đó là các dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra.

2.1.2. Đặc điểm của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Dịch vụ cho PTNN ở thành phố có những đặc điểm như: thuận lợi trong việc tiếp cận với các nguồn lực để phát triển; gắn với kỹ thuật, công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp đô thị hiện đại; đáp ứng nhu cầu của đa dạng các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp khu vực đô thị và các vùng xung quanh;

2.1.3. Vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Dịch vụ cho PTNN ở thành phố có những vai trò cơ bản như: thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở thành phố phát triển theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, gia tăng năng suất, chất lượng nông sản; gắn kết chặt chẽ quá trình sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng với thị trường tiêu thụ sản phẩm ở thành phố và xuất khẩu; góp phần phát triển bền vững ngành kinh tế nông nghiệp ở thành phố, thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ

2.2.1. Nội dung dịch vụ cho phát triển nông nghiệp

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, các loại hình dịch vụ được phân loại theo hai nhóm:

- Nhóm các dịch vụ đầu vào cho PTNN gồm: dịch vụ khuyến nông; dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng chất lượng cao; dịch vụ khoa học - công nghệ; dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao.

- Nhóm các dịch vụ đầu ra cho PTNN gồm: dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch; dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm; dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền; du lịch nông nghiệp.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

- Tiêu chí phản ánh sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố. Sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho PTNN chính là sự gia tăng về số lượng đơn vị cung cấp, hình thức cung cấp dịch vụ và kết quả hoạt động dịch vụ mang lại cho PTNN.

- Tiêu chí phản ánh chất lượng của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố. Có nhiều quan điểm khác nhau về chất lượng dịch vụ, nhưng cơ bản thống nhất về mức độ chất lượng dịch vụ cung ứng chính là mức độ thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Nói cách khác, chất lượng dịch vụ chính là do khách hàng cảm nhận và khách hàng đánh giá. Chính vì vậy, để đánh giá chất lượng các loại dịch vụ cho PTNN ở thành phố, đề tài tham khảo mô hình RATER (được các học giả người Mỹ là Zeithaml V.A., Parasuraman A và Leonard L.B. đưa ra năm 1988 và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu về chất lượng dịch vụ trong nhiều lĩnh vực), với 5 nhóm tiêu chí gồm: Độ tin cậy (**Reliability**); Sự đảm bảo (**Assurance**); Tính hữu hình (**Tangibles**); Sự thấu cảm (**Empathy**); Trách nhiệm (**Responsiveness**).

- Sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất cho phát triển nông nghiệp ở các thành phố, từ sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

2.2.3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực thành phố

Sản xuất nông nghiệp diễn ra tại các thành phố, nơi kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, nơi mà tính chuyên môn hóa trong lao động, sản xuất rất cao, đây là cơ sở thúc đẩy các loại dịch vụ cung ứng cả các yếu tố đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp phát triển.

2.2.3.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra yêu cầu phát triển các dịch vụ về khoa học – công nghệ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố như:

tư vấn, thiết kế, lắp đặt các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại trong sản xuất nông nghiệp; nhu cầu về các dịch vụ số, dịch vụ thông tin và truyền thông,...

2.2.3.3. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Để đáp ứng yêu cầu khắt khe của những thị trường lớn, đặc biệt là về điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm, chất lượng, sự ổn định và qui trình, công nghệ, đặt ra nhu cầu sử dụng nhiều loại dịch vụ cho PTNN hiện đại, hướng tới xuất khẩu.

2.2.3.4. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, nhà nước luôn giữ vai trò quan trọng trong định hướng, điều tiết và khắc phục những hạn chế của nền kinh tế. Chính những cơ chế, chính sách, công cụ nhà nước ban hành và triển khai thực hiện sẽ thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của ngành, lĩnh vực này hay ngành, lĩnh vực khác. Ở Việt Nam, Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, do đó, chủ trương, đường lối của Đảng sẽ được Nhà nước cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật, có tác động lớn tới sự phát triển của các ngành, lĩnh vực, trong đó có dịch vụ cho phát triển nông nghiệp.

2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ

2.3.1. Kinh nghiệm của thành phố Thượng Hải – Trung Quốc

Để nông nghiệp đô thị phát triển nhanh hơn, chính quyền thành phố đã xây dựng những chính sách và luôn quan tâm tới việc hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN, đặc biệt là dịch vụ về tài chính – tín dụng, khoa học - công nghệ và kết hợp hoạt động sản xuất nông nghiệp với các hoạt động du lịch, giải trí.

2.3.2. Kinh nghiệm của thành phố Băng-cốc – Thái Lan

Chính việc cung ứng các loại dịch vụ công và tư, đáp ứng cả đầu vào và đầu ra cho PTNN đô thị nơi đây đã mang lại những kết quả to lớn nền nông nghiệp tại thủ đô Băng-cốc. Đặc biệt Chính phủ Thái Lan cũng như chính quyền Băng-cốc đã xây dựng và thực thi nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất nông nghiệp tiếp cận được các yếu tố đầu vào cho PTNN đô thị hiện đại; chính sách tạo điều kiện phát triển các dịch vụ đầu ra cho nông nghiệp đô thị.

2.3.3. Kinh nghiệm của Thành phố Hà Nội

Để thực hiện mục tiêu PTNN theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái, Hà Nội đã quan tâm, tạo điều kiện để hình thành hệ thống dịch vụ cho PTNN

đô thị. Trước hết, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành các loại hình dịch vụ cho PTNN đô thị. Thứ hai, phát triển các dịch vụ chế biến, tiêu thụ và xúc tiến thương mại cho sản phẩm nông nghiệp.

2.3.4. Kinh nghiệm của thành phố Cần Thơ

Để thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, thành phố Cần Thơ đã tập trung vào các nội dung như: thứ nhất, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thứ hai, phát triển du lịch nông nghiệp để thúc đẩy nông nghiệp đô thị phát triển.

2.3.5. Một số bài học kinh nghiệm trong hoàn thiện dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chính sách hỗ trợ của chính quyền các cấp để xây dựng và hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ cho phát triển nông nghiệp đô thị; Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ khoa học - công nghệ, qua đó xây dựng và phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; Phát huy vai trò của kinh tế tập thể trong cung cấp dịch vụ cho phát triển nông nghiệp; Phát triển mô hình du lịch nông nghiệp;

Chương 3

THỰC TRẠNG DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2018 – 2023

3.1.1. Cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2023

Thành phố xác định tập trung vào một số dịch vụ cho PTNN như: cung ứng giống cây, giống con; dịch vụ về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp; dịch vụ cung ứng đầu vào và đầu ra hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp; dịch vụ du lịch gắn với PTNN. Trên cơ sở đó, Thành phố đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại và các dịch vụ liên quan.

3.1.2. Một số kết quả trong phát triển nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2023

Năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của Thành phố giai đoạn 2016 – 2020 tăng bình quân 23%/năm; giá trị sản xuất bình quân trên 01

ha đất nông nghiệp cao nhất vào năm 2020 đạt 583 triệu đồng; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 đạt 4,72%/năm. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học. Về cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của TPHCM những năm qua không có sự chuyển dịch mạnh, tỷ trọng lĩnh vực nông nghiệp luôn cao nhất và có xu hướng giảm nhẹ, từ 72,2% năm 2016 xuống còn 67,8% năm 2023; tỷ trọng lĩnh vực thủy sản tăng nhẹ từ 26,9% năm 2016 lên 31,9% năm 2023; tỷ trọng lĩnh vực lâm nghiệp rất nhỏ, luôn dưới 1%. Về thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tính đến năm 2023 TPHCM có 99 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó 36 sản phẩm đạt chuẩn 04 sao và 63 sản phẩm đạt chuẩn 03 sao.

3.2. THỰC TRẠNG DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2018 – 2023

3.2.1. Thực trạng dịch vụ đầu vào cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ khuyến nông

Khuyến nông Thành phố tập trung hỗ trợ nông dân sản xuất, nâng cao thu nhập thông qua nhiều hoạt động cụ thể. Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp từ những đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp rồi chuyển giao cho nông dân, nhằm tạo ra nhiều giống mới chất lượng và chủ động nguồn giống đáp ứng nhu cầu sản xuất. Đồng thời xây dựng các mô hình chuyển đổi từ đất trồng lúa, trồng mía hiệu quả kinh tế thấp sang các cây trồng vật nuôi khác hiệu quả cao hơn, theo hướng ưu tiên sản phẩm chủ lực của ngành. Cùng với đó là trình diễn ứng dụng công nghệ tiên tiến; chuyển giao giống an toàn dịch bệnh, chất lượng; chuyển giao quy trình kỹ thuật, phương pháp tổ chức quản lý phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và nhân rộng cho bà con nông dân, trong đó ưu tiên hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

Dịch vụ cung ứng giống vật nuôi, cây trồng năng suất cao

Những năm qua Thành phố tập trung vào nghiên cứu, sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng chủ yếu như rau, hoa, cây kiểng, nấm, cây dược liệu, cây lâm nghiệp; hay những giống vật nuôi chủ yếu như bò sữa, bò thịt, heo; và giống thủy sản chủ yếu là thủy sản nước ngọt, nước mặn lợ, giống cá kiểng. Năm 2023 Thành phố có 28 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây

trồng; 28 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; 30 đơn vị sản xuất và cung ứng giống thủy sản nước mặn lợ (trong đó có 18 cơ sở thuần dưỡng giống tôm, 12 cơ sở sản xuất giống nhuyễn thể); 90 cơ sở và hộ cá thể sản xuất và thuần dưỡng giống thủy sản nước ngọt (31 cơ sở sản xuất và 59 hộ cá thể); và khoảng 300 hộ, cơ sở sản xuất – kinh doanh giống cá kiểng (một số loài có giá trị kinh tế cao như: cá Chép Nhật, Hòa Lan, Dĩa, Xiêm, Ông Tiên, Tứ Vân, Hồng Kim, Hắc Kim, Moly, Phượng Hoàng...).

Dịch vụ khoa học - công nghệ

TPHCM đã định hướng từ khá sớm việc phát triển nền nông nghiệp đô thị, hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao. Do đó, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ nhất là nông nghiệp công nghệ cao luôn được Thành phố tạo điều kiện, đầu tư phát triển. Các cơ sở nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ được tập trung đầu tư như: Khu Nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm Công nghệ sinh học, Trại Trình diễn và Thực nghiệm chăn nuôi bò sữa công nghệ cao và đang triển khai xây dựng Khu Nông nghiệp công nghệ cao ngành thủy sản tại huyện Cần Giờ, Khu chăn nuôi công nghệ cao tại huyện Bình Chánh. Bên cạnh đó, để thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ trên địa bàn TPHCM, kể từ năm 2016, được sự chỉ đạo của Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin thực hiện đầu tư, nâng cấp *Hệ thống Chợ Công nghệ và Thiết bị* thành *Cổng thông tin Đổi mới sáng tạo và Chuyển giao công nghệ – Techport.vn* với nhiều chức năng hơn. Cổng thông Techport.vn chính là môi trường giao dịch, tìm kiếm đối tác thuận lợi trên mạng Internet, với sự tham gia của các bên cung – cầu công nghệ và các tổ chức dịch vụ trung gian.

Dịch vụ ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao

Với đặc điểm của nông nghiệp đô thị, TPHCM đã luôn quan tâm tới việc thu hút doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó là đẩy mạnh hoạt động ươm tạo doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, từ đó thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp thành phố theo hướng hiện đại, hiệu quả. Từ năm 2014 tới nay, số cơ sở ươm tạo/tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao tại Thành phố đã tăng từ 2 lên 11 cơ sở, cùng với đó là 9 trường đại học có hoạt động hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo.

3.2.2. Thực trạng dịch vụ đầu ra cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Dịch vụ chế biến, bảo quản sau thu hoạch

Trong nhiều năm qua, lĩnh vực sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất đồ uống được Thành phố xác định là một trong bốn nhóm những ngành công nghiệp trọng điểm, do đó luôn có sự quan tâm đầu tư phát triển. Tổng số doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống và thuốc lá tăng từ 1.798 doanh nghiệp năm 2015 lên 3.439 doanh nghiệp vào năm 2019, năm 2020 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, số doanh nghiệp trong lĩnh vực này giảm xuống còn 2.758. Các doanh nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp tại TPHCM tham gia sản xuất, chế biến đa dạng các mặt hàng nông sản, cả lương thực, thực phẩm, thủy sản, thực phẩm chức năng, đồ uống, thuốc lá,... Để phục vụ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tươi sống từ thị trường gia súc, gia cầm, TPHCM chủ trương xây dựng và phát triển các nhà máy giết mổ công nghiệp, hiện đại. Tính đến năm 2023, TPHCM có 05 nhà máy giết mổ gia súc đang hoạt động theo dây chuyền giết mổ công nghiệp hiện đại, với số lượng gia súc giết mổ khoảng 5.500 – 5.700 con/ngày (đáp ứng trên 50% nhu cầu tiêu thụ thịt heo của Thành phố); 01 cơ sở giết mổ gia cầm tập trung với công suất khoảng 72.000 – 75.000 con/ngày (đáp ứng gần 60% nhu cầu tiêu thụ thịt gia cầm của người dân Thành phố) [105, tr.14].

Dịch vụ quảng bá, giới thiệu, bán sản phẩm

TPHCM là thành phố có số dân sinh sống đông nhất Việt Nam, sức tiêu thụ nông sản hàng ngày ở đây là rất lớn. Hàng năm Thành phố thường xuyên tổ chức nhiều hội chợ, triển lãm, lễ hội nhằm quảng bá, giới thiệu và bán nông sản. Bên cạnh đó, hệ thống phân phối sản phẩm nông, lâm, thủy sản tại TPHCM ngày càng tăng về số lượng, chất lượng và phương thức phục vụ. Hiện Thành phố có 235 chợ các loại (trong đó có 3 chợ đầu mối, 232 chợ truyền thống), 240 siêu thị và hơn 3.000 cửa hàng tiện lợi có bày bán hàng nông sản.

Dịch vụ xây dựng thương hiệu, đăng ký bản quyền

Để khẳng định thương hiệu, chất lượng và đảm bảo an toàn đối với hàng nông sản, TPHCM luôn chú trọng triển khai mô hình truy xuất nguồn gốc rau quả. Bên cạnh việc khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng đảm bảo chất lượng, an toàn với những chứng nhận VietGAP hay VietGAHP, TPHCM cũng xây dựng Chương trình OCOP trên địa bàn nông thôn của Thành phố từ năm 2019. Để tiếp tục hỗ trợ góp phần hình thành những thương hiệu nông sản mạnh của TPHCM, năm 2022 UBND Thành phố đã

triển khai thực hiện *Đề án xây dựng thương hiệu vàng nông nghiệp TPHCM giai đoạn 2022 – 2030*.

Dịch vụ du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp là loại hình dịch vụ đang có những tác động mạnh mẽ tới PTNN hiện nay, đặc biệt là nông nghiệp thành phố. TPHCM có thể phát triển du lịch gắn với làng nghề, cả làng nghề truyền thống như làng muối xã Lý Nhơn - Cần Giờ, làng nghề bánh tráng xã Phú Hòa Đông - Củ Chi, hay làng nghề mới như làng nghề mai vàng xã Bình Lợi - Bình Chánh, làng nghề nuôi chim yến xã Tam Thôn Hiệp - Cần Giờ. Bên cạnh các làng nghề, hiện nay Thành phố đang thực hiện Chương trình OCOP, với những sản phẩm được chứng nhận OCOP 4 sao, 5 sao sẽ là nơi thu hút khách du lịch tới tham quan, trải nghiệm quá trình sản xuất ra sản phẩm, cũng như tạo điều kiện để tiêu thụ sản phẩm.

3.2.3. Thực trạng chất lượng dịch vụ và sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh

Khảo sát về chất lượng các loại hình dịch vụ cho PTNN tại TPHCM theo mô hình RATER (với 05 nhóm tiêu chí: độ tin cậy; sự bảo đảm; tính hữu hình; sự thấu cảm; và trách nhiệm), về cơ bản người sử dụng dịch vụ đều đánh giá ở mức 3 - bình thường và mức 4 - hài lòng.

Các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM những năm qua, góp phần tích cực để đảm bảo cho các khâu sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng được diễn ra thông suốt.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.3.1. Những kết quả đạt được

Về sự tăng trưởng các loại hình dịch vụ cho PTNN

Thứ nhất, về số lượng chủ thể cung cấp các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM có sự gia tăng cả ở nhóm các dịch vụ đầu vào và nhóm các dịch vụ đầu ra.

Thứ hai, về hình thức cung cấp các loại dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN ở TPHCM ngày càng đa dạng, phong phú theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, bền vững.

Thứ ba, về kết quả hoạt động, các dịch vụ cho PTNN có đóng góp không nhỏ vào việc gia tăng giá trị sản xuất, năng suất cây trồng, vật nuôi và năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ở TPHCM

Về chất lượng các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM ngày càng được nâng cao, góp phần thúc đẩy nông nghiệp Thành phố phát triển theo hướng bền vững.

Sự hài hòa, thông suốt về dịch vụ cho phát triển nông nghiệp trong bốn khâu của quá trình tái sản xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh

Các loại hình dịch vụ cho PTNN TPHCM những năm qua, góp phần tích cực để đảm bảo cho các khâu của quá trình tái sản xuất diễn ra bình thường, ổn định và thông suốt.

3.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

Một số hạn chế của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, số lượng các đơn vị cung ứng dịch vụ trong những năm qua mặc dù có tăng, nhưng tăng chậm, một số lĩnh vực còn giảm, đặc biệt sau tác động của dịch bệnh Covid-19.

Thứ hai, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, chất lượng cao mới đạt được ở một số mô hình, chưa mang tính phổ biến; hiệu quả dịch vụ mang lại chưa tạo chuyển biến mạnh về giá trị gia tăng cũng như năng suất lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ ba, so sánh các loại hình dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra cho thấy tình trạng không đồng đều về chất lượng, và trong nội bộ hai nhóm dịch vụ cũng không có sự đồng đều về chất lượng giữa các loại hình dịch vụ..

Thứ tư, dịch vụ trong các khâu từ sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng của quá trình tái sản xuất trong PTNN Thành phố còn có những khó khăn, vướng mắc.

Nguyên nhân của những hạn chế

** Nguyên nhân chủ quan*

Thứ nhất, theo định hướng phát triển và quy hoạch sử dụng đất tại TPHCM hiện nay ưu tiên cho phát triển đô thị và các ngành kinh tế phi nông nghiệp nhiều hơn.

Thứ hai, các chính sách chưa tạo được sức đột phá để thúc đẩy việc hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN, những vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách chậm tháo gỡ.

Thứ ba, chính sách thúc đẩy PTNN và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chưa đồng bộ, còn tập trung hỗ trợ các dịch vụ đầu vào là chủ yếu, các dịch vụ đầu ra chưa được quan tâm thỏa đáng.

Thứ tư, đơn vị cung ứng các loại hình dịch vụ chủ yếu là Nhà nước, doanh nghiệp dân doanh tham gia kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ cho PTNN còn chưa nhiều, đa số là doanh nghiệp nhỏ, quy mô vốn ít, năng lực ứng dụng công nghệ hiện đại còn hạn chế.

Thứ năm, sản xuất nông nghiệp tại TPHCM vẫn phần lớn là các hộ sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu, nhu cầu sử dụng dịch vụ cho PTNN chưa nhiều.

** Nguyên nhân khách quan*

Thứ nhất, lĩnh vực kinh doanh liên quan đến nông nghiệp vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro hơn so với các lĩnh vực khác, do vậy không hấp dẫn các nguồn lực của xã hội tham gia đầu tư.

Thứ hai, do đặc điểm và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại TPHCM.

Thứ ba, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Do vậy, để tiếp tục hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, cả sự hỗ trợ phục hồi từ phía Nhà nước, chính quyền địa phương và sự điều chỉnh, đổi mới từ phía chủ thể sản xuất, kinh doanh.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở TPHCM

4.1. BỐI CẢNH ẢNH HƯỞNG VÀ QUAN ĐIỂM THỨC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Bối cảnh ảnh hưởng tới nông nghiệp đô thị và dự báo xu hướng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố

Bối cảnh ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp đô thị

Quá trình đô thị hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt ở các nước đang phát triển, có ảnh hưởng lớn tới nông nghiệp đô thị;

Sự phát triển của khoa học – công nghệ góp phần gia tăng khả năng sản xuất nông nghiệp tại khu vực thành phố;

Tình hình thế giới diễn biến phức tạp đang đặt ra yêu cầu tự chủ về lương thực, thực phẩm đối với các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn;

Biến đổi khí hậu với nhiều tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp truyền thống, đặt ra yêu cầu phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại.

Dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố - Dự báo xu hướng phát triển

Thứ nhất, xu hướng phát triển các loại hình dịch vụ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kinh doanh và chuyên môn hóa sâu trong lĩnh vực nông nghiệp ở thành phố.

Thứ hai, xu hướng phát triển dịch vụ xây dựng và chứng nhận thương hiệu nông sản.

Thứ ba, xu hướng kết hợp PTNN với du lịch/giải trí tại các thành phố.

4.1.2. Quan điểm thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, dịch vụ cho PTNN phải thúc đẩy mạnh mẽ việc hình thành nền nông nghiệp đô thị hiện đại của Thành phố, đồng thời thúc đẩy nông nghiệp vùng và cả nước phát triển.

Thứ hai, xây dựng và triển khai có hiệu quả những chính sách hỗ trợ các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM.

Thứ ba, tập trung ưu tiên, tạo điều kiện hỗ trợ về nhiều mặt nhằm đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ cho PTNN Thành phố.

Thứ tư, chú trọng cung cấp các loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ năm, phát huy thế mạnh của TPHCM, thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình lưu thông sản phẩm nông nghiệp cho Thành phố và cả khu vực Nam bộ.

Thứ sáu, gắn kết PTNN đô thị với dịch vụ du lịch, giải trí.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY DỊCH VỤ CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2030

4.2.1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách của Nhà nước để thúc đẩy dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nông nghiệp đô thị có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bền vững tại các thành phố trên thế giới hiện nay. Để phát triển ngành nông nghiệp và các dịch vụ cho PTNN, đặc biệt ở khu vực thành thị, rất cần sự quan tâm, hỗ trợ từ phía Nhà nước. Đối với TPHCM, để hoàn thiện dịch vụ cho PTNN, cần tập trung vào các cơ chế, chính sách hỗ trợ như: hỗ trợ về tài chính, mặt

bằng sản xuất – kinh doanh; hỗ trợ về khoa học – công nghệ; hỗ trợ phát triển nhân lực; hỗ trợ trong xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu.

4.2.2. Nhóm giải pháp về đa dạng hóa các chủ thể, loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Như đã phân tích ở phần nguyên nhân của những hạn chế, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các dịch vụ liên quan nông nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro, tỷ suất lợi nhuận trung bình thấp, ít hấp dẫn nhà đầu tư tư nhân hay nước ngoài. Chính vì vậy, muốn hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, chắc chắn vẫn cần có sự tham gia mạnh mẽ từ phía khu vực nhà nước. Các đơn vị thuộc Sở NN&PTNT trực tiếp tham gia như Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Công nghệ sinh học; Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản. Tại TPHCM, Khu Nông nghiệp công nghệ cao cũng là đơn vị có đóng góp lớn trong việc hỗ trợ các dịch vụ cho PTNN công nghệ cao. Ngoài ra cần phát huy vai trò của Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Du lịch, Liên minh HTX, Hội Nông dân Thành phố trong việc tạo điều kiện cung ứng hoặc thúc đẩy cung ứng các dịch vụ cho PTNN đô thị. Phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhà nước TPHCM hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và dịch vụ liên quan.

Thúc đẩy kinh tế tập thể tham gia cung ứng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp. Phát huy hơn nữa vai trò của các tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX tham gia vào các khâu đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp.

Tạo điều kiện để kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia cung cấp và mở rộng các loại hình dịch vụ cho phát triển nông nghiệp. Bên cạnh vai trò dẫn dắt, định hướng của khu vực kinh tế nhà nước, TPHCM cũng cần tạo điều kiện để thu hút và phát triển doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ cho PTNN ở Thành phố. Đẩy mạnh việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất, trang trại, hợp tác xã, đặc biệt thông qua ký kết các hợp đồng.

4.2.3. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM trong những năm tới, cần có những giải pháp cụ thể, tác động tới các khía cạnh của chất lượng dịch vụ. Thứ nhất, cần chú trọng công tác bồi dưỡng, đào

tạo nhân lực trong các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM. Cả nhân lực trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, và nhân lực trong các doanh nghiệp, HTX, cơ sở cung ứng dịch vụ nông nghiệp. Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, cải thiện điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN. Thứ ba, huy động thêm vốn, mở rộng quy mô sản xuất – kinh doanh đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ cho PTNN. Thứ tư, phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thiện các dịch vụ cho PTNN đô thị theo hướng hiện đại, bền vững.

KẾT LUẬN

Dịch vụ cho PTNN ở TPHCM trong những năm qua đã được hình thành và ngày càng hoàn thiện hơn. Với đa dạng các loại hình dịch vụ đầu vào và đầu ra đã thúc đẩy nền nông nghiệp TPHCM bước đầu phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị, hiện đại, bền vững. Nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ra đời, năng suất, chất lượng và cả hiệu quả sản xuất – kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp có những cải thiện. Sự hình thành của các loại hình dịch vụ cũng góp phần làm cho quá trình tái sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp tại TPHCM cơ bản được diễn ra hài hòa, thông suốt. Qua đó góp phần tạo việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân Thành phố, tạo mảng xanh, giảm phát thải carbon, bảo vệ môi trường, đồng thời cũng tạo điều kiện để người tiêu dùng có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, an toàn và tươi ngon. Tuy nhiên, các dịch vụ cho PTNN ở TPHCM vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa hỗ trợ mạnh mẽ cho nông nghiệp Thành phố phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, chưa phát huy rõ nét vai trò dẫn dắt của đầu tàu kinh tế TPHCM trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ cho PTNN.

Để nghiên cứu, đánh giá thực trạng và xây dựng giải pháp thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đã tổng quan nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế, qua đó xây dựng khung lý luận nghiên cứu. Trên cơ sở khái niệm, phân loại, đặc điểm và vai trò của dịch vụ cho PTNN, luận án xác định nội dung của dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, tập trung vào 08 loại hình dịch vụ, chia làm 02 nhóm – đầu vào và đầu ra. Qua đó xây dựng tiêu chí đánh giá và phân tích nhân tố ảnh hưởng đến dịch vụ cho PTNN ở thành phố.

Qua phân tích xu hướng PTNN và dịch vụ nông nghiệp tại khu vực đô thị trên thế giới hiện nay, trên cơ sở thực trạng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM, luận án đã nêu ra năm quan điểm mang tính định hướng: thứ nhất, dịch vụ cho PTNN phải thúc đẩy mạnh mẽ việc hình thành nền nông nghiệp đô thị hiện đại của Thành phố, đồng thời thúc đẩy nông nghiệp vùng và cả nước phát triển; thứ hai, xây dựng và triển khai có hiệu quả những chính sách hỗ trợ các loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; thứ ba, tập trung ưu tiên, tạo điều kiện hỗ trợ về nhiều mặt nhằm đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ cho PTNN Thành phố; thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; thứ năm, phát huy thế mạnh của TPHCM, thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ cho quá trình lưu thông sản phẩm nông nghiệp cho Thành phố và cả khu vực Nam bộ; thứ sáu, gắn kết PTNN đô thị với dịch vụ du lịch, giải trí. Luận án đề xuất và phân tích ba nhóm giải pháp nhằm tiếp tục thúc đẩy đồng bộ các loại hình dịch vụ đầu vào và đầu ra cho PTNN Thành phố, đó là: một là, nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách của Nhà nước để thúc đẩy dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; hai là, nhóm giải pháp về đa dạng hóa các chủ thể, loại hình dịch vụ cho PTNN ở TPHCM; ba là, nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng dịch vụ cho PTNN ở TPHCM./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

*

1. Kiều Anh Vũ (2023), *Cung ứng dịch vụ cho phát triển nông nghiệp: kinh nghiệm của một số quốc gia và bài học cho Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 245, tr.92-96.
2. Kiều Anh Vũ (2023), *Vai trò của dịch vụ cho phát triển nông nghiệp ở thành phố*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 245, tr.81-84.